

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
BẤT ĐỘNG SẢN TASECO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~4222~~2025/CV-TASECOLAND
V/v Công bố thông tin về tình hình tài
chính

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2025

Kính gửi:

- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- (những) Người Sở Hữu Trái Phiếu do Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco phát hành.

Căn cứ quy định tại Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06/11/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco gửi nội dung công bố thông tin định kỳ về tình hình tài chính như sau:

1. Thông tin doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0104079036 cấp lần đầu ngày 29/07/2009, đăng ký thay đổi lần 23 ngày 24/07/2025;
- Nơi cấp: Sở Tài chính Thành Phố Hà Nội.
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1 Tòa nhà NO2 - T1 Khu Đoàn Ngoại giao, đường Xuân Tảo, phường Xuân Đình, TP.Hà Nội, Việt Nam;
- Điện thoại: 024.3793 25 25; - Fax: 024.3793.2626
- Email: info@tasecoland.vn - Website: www.tasecoland.vn
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần đại chúng;
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính: Kinh doanh Bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Mã số thuế: 0104079036.



2. Tình hình tài chính

- Kỳ báo cáo: 06 tháng đầu năm 2025 (từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025).
- Các chỉ tiêu tài chính cơ bản của doanh nghiệp trong kỳ báo cáo:

Chỉ tiêu	Kỳ trước	Kỳ báo cáo
1. Vốn chủ sở hữu (đồng):	3.980.158.075.668	4.294.387.308.470
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	2.970.000.000.000	3.118.500.000.000
- Các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế	-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	451.174.323.426	227.318.020.593
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
- Chênh lệch tỷ giá	-	-
	5.549.929.706.873	8.128.600.435.669
2. Tổng số nợ phải trả (đồng):	2.687.650.909.134	4.634.325.055.558
- Nợ vay ngân hàng	317.429.462.736	149.363.251.138
- Nợ vay từ phát hành trái phiếu	317.429.462.736	149.363.251.138
+ Trái phiếu chào bán riêng lẻ tại thị trường trong nước	-	-
+ Trái phiếu chào bán ra công chúng tại thị trường trong nước	-	-
+ Trái phiếu chào bán ra thị trường quốc tế	2.544.849.335.003	3.344.912.128.973
- Nợ phải trả khác	188.801.179.260	22.100.000.000
+ Nợ vay khác	391.137.705.014	372.397.224.752
+ Phải trả người bán ngắn hạn	43.345.037.848	307.696.054.173
+ Người mua trả tiền trước ngắn hạn	224.719.956.295	1.315.460.868.687
+ Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	89.959.536.623	141.993.621.470
+ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20.134.803.818	22.148.874.696
+ Phải trả người lao động	200.939.260.987	145.022.903.697
+ Chi phí phải trả ngắn hạn	36.962.247.797	33.558.711.273
+ Doanh thu chưa thực hiện ngắn và dài hạn	1.326.688.971.606	940.805.815.837
+ Phải trả ngắn và dài hạn khác	20.387.296.503	24.041.836.322
+ Dự phòng phải trả ngắn và dài hạn	1.773.339.252	19.686.218.066
+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi		
3. Cơ cấu vốn (lần):		
- Hệ số nợ phải trả/Tổng tài sản	0,58	0,65
- Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	1,39	1,89
4. Khả năng thanh toán (lần):		

Chỉ tiêu	Kỳ trước	Kỳ báo cáo
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn)	2,10	2,46
- Hệ số thanh toán nhanh ((tài sản ngắn hạn – hàng tồn kho) / nợ ngắn hạn)	0,59	0,58
- Hệ số thanh toán lãi vay (lợi nhuận trước thuế và lãi vay/lãi vay)	1,68	2,14
5. Dư nợ trái phiếu đã phát hành/vốn chủ sở hữu (lần):		
- Hệ số tổng dư nợ trái phiếu doanh nghiệp/vốn chủ sở hữu	0,08	0,03
- Hệ số dư nợ trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ/vốn chủ sở hữu	0,08	0,03
6. Lợi nhuận (đồng):		
- Lợi nhuận/Lỗ trước thuế	45.169.528.150	97.110.604.273
- Lợi nhuận/Lỗ sau thuế trong năm tài chính	17.124.984.732	60.614.991.295
- Lỗ lũy kế (nếu có)	-	-
7. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%):		
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,18%	0,56%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,43%	1,42%
8. Các chỉ tiêu an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn vốn theo quy định của pháp luật chuyên ngành (doanh nghiệp kinh doanh bất động sản, tổ chức tín dụng, công ty chứng khoán...) (nếu có)	N/A	N/A

(Số liệu báo cáo trên cơ sở Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn 06 tại ngày 30/06/2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội)

3. Ý kiến của kiểm toán đối với báo cáo tài chính giữa niên độ đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện: Công ty TNHH Ernst & Yong Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội

- **Đối với BCTC Riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025:** Theo ý kiến của Kiểm toán viên, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ



riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

- **Đối với BCTC Hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025:** Theo ý kiến của Kiểm toán viên, báo cáo tài chính Hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác, đầy đủ của thông tin công bố nêu trên./.

NGƯỜI LẬP BIỂU

Chuyên viên



Trần Thị Mai

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Trần Tùng

